

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TH
TỈNH TH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **389/2020/HS-ST**

Ngày: 14/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH, TỈNH TH**

- Thành phần hội Đ1 xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Viện

2. Bà Nguyễn Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 364/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 421/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Văn Đ, tên gọi khác: Không, sinh năm 1988 tại TH; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Xóm N, xã L, thành phố TH, tỉnh TH; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, đoàn thể, chính quyền): Không; Con ông Phạm Văn Đ1, sinh năm 1964 và con bà Bùi Thị B, sinh năm 1966; Bị cáo có vợ là Phan Nhật L sinh năm 1994; Chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TH, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/4/2020 cho đến nay. *(Có mặt tại phiên tòa).*

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1985 - trú tại tổ Y, phường Q, thành phố TH, tỉnh TH *(Có mặt).*

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn Đ1, sinh năm 1964 – trú tại xóm N, xã L, thành phố TH, tỉnh TH *(Có mặt).*

- Người làm chứng: Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1985 – trú tại đội X, xã H, huyện H, tỉnh N *(Vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 45 phút ngày 31/3/2020, Phạm Văn Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển kiểm soát 20B1 -992.23 màu sơn đen – đỏ đi theo hướng từ đảo tròn Trung tâm thành phố TH đi chợ Thái. Khi đi đến đoạn đường Đội Cấn trước cửa Bảo hiểm xã hội tỉnh TH thuộc tổ x, phường T, thành phố TH thì Đ phát hiện phía trước cùng chiều có 02 người phụ nữ đang chở nhau bằng xe máy Honda cup BKS 18AA -005.07 (sau xác định người điều khiển xe là chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1985 - trú tại tổ Y, phường Q, thành phố TH chở chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1985 – trú tại đội X, xã H, huyện H, tỉnh N) chị M có để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 7.2 vỏ màu xanh ở túi áo khoác bên trái, hở một nửa ra ngoài nên Đ đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại trên. Đ liền điều khiển xe của mình bám theo xe của chị M và vượt lên áp sát từ phía sau bên trái dùng tay phải giật lấy chiếc điện thoại trong túi áo chị M rồi điều khiển xe bỏ chạy về hướng chợ Thái rồi đi về nhà. Khi về đến nhà, Đ đã tháo 02 sim điện thoại và thẻ nhớ của chiếc điện thoại vừa chiếm đoạt được của chị M ra rồi cất trên nóc tủ lạnh trong phòng ngủ của Đ để ngắt liên lạc, còn chiếc điện thoại Đ cất giấu tại nhà.

Sau khi bị chiếm đoạt chiếc điện thoại, chị M đã trình bày Công an phường T, thành phố TH để giải quyết.

Hồi 09 giờ ngày 01/4/2020 Cơ quan điều tra Công an thành phố TH thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Văn Đ ở xóm N, xã L, thành phố TH đã thu giữ:

- + 01 sim điện thoại Vinaphon có số seri: 89840200010852181965 đã qua sử dụng;
- + 01 sim điện thoại Viettel có số seri 8984048851001342783 đã qua sử dụng;
- + 01 thẻ nhớ nhãn hiệu Transcend 8GB đã qua sử dụng;
- + 01 thẻ nhớ nhãn hiệu SanDisk Ultra 16GB đã qua sử dụng;

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 83/HĐĐGTS ngày 23/4/2020 của Hội Đ1 định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố TH kết luận: 01(Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 7.2, vỏ màu xanh, số Imel 1: 3529211102576965, Imel 2: 35292110258461, đã qua sử dụng, có giá trị 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Vật chứng của vụ án:

+ 01(Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 7.2, vỏ màu xanh, đã qua sử dụng; 01 sim điện thoại Vinaphon đã qua sử dụng; 01 sim điện thoại Viettel đã qua sử dụng; 01 thẻ nhớ nhãn hiệu SanDisk Ultra 16GB đã qua sử dụng. Hiện số tài sản trên đã được thu hồi trả lại cho chị M quản lý và sử dụng. Chị M không có đề nghị gì khác.

+ 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển kiểm soát 20B1 - 992.23 màu sơn đen – đỏ. Quá trình điều tra xác định là tài sản của ông Phạm Văn

Đ1 (là bố của Đ), sinh năm 1964 – trú tại xóm N, xã L, thành phố TH, tỉnh TH cho Đ mượn để sử dụng. Hiện cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Đ1 quản lý và sử dụng.

+ 01(Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A7, màu vàng đồng, số Imel 1: 353465102654017, Imel 2: 353466102654015, bên trong có lắp sim Viettel số 0344655491, 01 thẻ nhớ nhãn hiệu Transcend 8GB đã qua sử dụng. Hiện được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TH chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 376/CT -VKSTPTN ngày 10 tháng 8 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH, tỉnh TH đã truy tố Phạm Văn Đ về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu thu thập được trong quá trình điều tra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phạm Văn Đ về tội “Cướp giật tài sản”. Đề nghị Hội Đ1 xét xử: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ từ 04 đến 05 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị M và ông Phạm Văn Đ1 không yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng của vụ án:

+ 01(Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 7.2, vỏ màu xanh, đã qua sử dụng; 01 sim điện thoại Vinaphon đã qua sử dụng; 01 sim điện thoại Viettel đã qua sử dụng; 01 thẻ nhớ nhãn hiệu SanDisk Ultra 16GB đã qua sử dụng. Hiện số tài sản trên đã được thu hồi trả lại cho chị M quản lý và sử dụng. Chị M không có đề nghị gì khác.

+ 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển kiểm soát 20B1 - 992.23 màu sơn đen – đỏ. Quá trình điều tra xác định là tài sản của ông Phạm Văn Đ1 (là bố của Đ), sinh năm 1964 – trú tại xóm N, xã L, thành phố TH, tỉnh TH cho Đ mượn để sử dụng. Hiện cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Đ1 quản lý và sử dụng.

+ Tạm giữ 01(Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A7, màu vàng đồng, số Imel 1: 353465102654017, Imel 2: 353466102654015, bên trong có lắp sim Viettel số 0344655491, 01 thẻ nhớ nhãn hiệu Transcend 8GB đã qua sử dụng của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người đúng tội, không oan.

Bị cáo nói lời sau cùng ăn năn hối hận vì hành vi phạm tội của mình và xin Hội Đ1 xét xử cho được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hoàn toàn tự nguyện, khách quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo, vật chứng thu giữ, lời khai của bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Khoảng 18 giờ 45 phút ngày 31/3/2020, tại khu vực tổ X, phường T, thành phố TH, Phạm Văn Đ có hành vi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển kiểm soát 20B1 -992.23 màu sơn đỏ - đen áp sát xe máy Honda cúp do chị Nguyễn Thị M điều khiển đang đi cùng chiều phía trước đã thực hiện hành vi cướp giật 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA7.2, vỏ màu xanh, trị giá 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) của chị Nguyễn Thị M nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Hành vi trên của bị cáo đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH đã truy tố.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi: Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Phạm Văn Đ không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt tù, lẽ ra bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 171 BLHS. Tại phiên tòa xác định bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hiện vẫn sống phụ thuộc vào gia đình, không có tài sản riêng. Hội Đ1 xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: 01(Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 7.2, vỏ màu xanh, đã qua sử dụng; 01 sim điện thoại Vinaphon đã qua sử dụng; 01 sim điện thoại Viettel đã qua sử dụng; 01 thẻ nhớ nhãn hiệu SanDisk Ultra 16GB đã qua sử dụng. Hiện số tài sản trên đã được thu hồi trả lại cho chị M quản lý và sử dụng. Chị M không có đề nghị gì khác, do vậy Hội Đ1 xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng của vụ án: Đã thu hồi trả cho bị hại quản lý, sử dụng.

+ 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển kiểm soát 20B1 - 992.23 màu sơn đen – đỏ. Quá trình điều tra xác định là tài sản của ông Phạm Văn Đ1 (là bố của Đ), sinh năm 1964 – trú tại xóm N, xã L, thành phố TH, tỉnh TH cho Đ mượn để sử dụng. Hiện cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Đ1 quản lý và sử dụng.

+ 01(Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A7, màu vàng đồng, số Imel 1: 353465102654017, Imel 2: 353466102654015, bên trong có lắp sim Viettel số 0344655491 đã qua sử dụng, 01 thẻ nhớ nhãn hiệu Transcend 8GB đã qua sử dụng của bị cáo. Quá trình điều tra xác định bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo, song tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Ngoài vụ cướp giật tài sản trên, lời khai ban đầu Đ khai thực hiện 09 vụ cướp giật tài sản khác tại địa bàn thành phố TH. Quá trình điều tra Đ thay đổi lời khai không thừa nhận việc thực hiện 09 vụ cướp giật đó. Đ1 thời trong khoảng thời gian tháng 2 và tháng 3 năm 2020 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TH không tiếp nhận bị hại nào đến trình báo về việc bị cướp giật tài sản như Đ khai. Do đó cơ quan điều tra không có căn cứ điều tra mở rộng vụ án.

Đối với ông Phạm Văn Đ1 là người cho Đ mượn xe mô tô BKS 20B1 -992.23. Quá trình điều tra xác định ông Đ1 không biết Đ sử dụng chiếc xe trên để thực hiện tội phạm. Nên cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố TH không xem xét xử lý đối với ông Đ1 là phù hợp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn Đ 60(Sáu mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2020.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tạm giữ 01(Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy A7, màu vàng đồng, số Imel 1: 353465102654017, Imel 2: 353466102654015, bên trong có lắp sim Viettel số 0344655491 đã qua sử dụng; 01 thẻ nhớ nhãn hiệu Transcend 8GB, đã qua sử dụng của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận số 428 ngày 11/8/2020 giữa Công an thành phố TH với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH)

3.Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phạm Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp Ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, báo bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND thành phố TH;
- Công an thành phố TH;
- Chi cục THADS thành phố TH;
- Sở tư pháp tỉnh TH;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thanh Trúc

